

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Ban Quản lý dự án EVNGENCO2- Chi nhánh Tổng công ty phát điện 2 Địa chỉ: 143 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng Mã số thuế: 1800590430-011 Số tài khoản: 110635768688 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Đà Nẵng Điện thoại: 0236 2816080 Fax: 0236 3623085 Email: sb2@sb2.vn.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Được nêu chi tiết tại Chương V-Yêu cầu kỹ thuật.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2: Xã Nam Giang, thành phố Đà Nẵng và được xác định trong Bản vẽ số: Theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 371/QĐ-TĐSB ngày 01/12/2025.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là:
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Không có; - Tư vấn giám sát là: Công ty thủy điện Sông Bung tự thực hiện giám sát thi công.
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần:
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1.Thông số kỹ thuật;

	2. Bản vẽ; 3. Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu; 4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng đến khi nhà thầu hoàn thành khắc phục các tồn tại + 28 ngày. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm

	thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu phải có đủ tư cách pháp nhân, năng lực kinh nghiệm theo quy định của pháp luật để thực hiện công việc được nhận làm thầu phụ.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình không nhỏ hơn 365 ngày, kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Theo chương V- Yêu cầu về kỹ thuật của

	E-HSMT.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày bàn giao mặt bằng tại công trình.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: - Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì hai bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định có giá trị thi hành đối với cả hai bên, các chi phí liên quan do bên thua kiện chịu; - Trong thời gian chờ đợi phân xử của tòa án, nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện các công việc khác theo hợp đồng, không vì lý do tranh chấp mà tạm ngừng trách nhiệm thực hiện các công việc khác theo hợp đồng. Nếu không thực hiện quy định trên thì nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: là ngày bàn giao mặt bằng và Chủ đầu tư sẽ có thông báo bằng văn bản đến nhà thầu. - Ngày hoàn thành dự kiến: trong vòng 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Trước ngày 7 hằng tháng, hoặc khi có yêu cầu của chủ đầu tư. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 326.302.000 đồng.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: - Theo E-ĐKC 47 làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; - Theo Khoản 3 Điều 70 Luật Đấu thầu 2023. - Theo Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Các loại vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị có yêu cầu tại Chương V-Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT

D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu số tiền 20% giá trị hợp đồng khi nhà thầu đệ trình đủ các hồ sơ chứng từ sau: + Giấy đề nghị tạm ứng của nhà thầu + Bảo đảm thực hiện hợp đồng + Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có nội dung đáp ứng các yêu cầu dưới đây. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. - Thu hồi tiền tạm ứng: việc thu hồi tạm ứng được thực hiện theo từng đợt thanh toán với tỷ lệ 25% giá trị nghiệm thu và thu hồi hết khi giá trị nghiệm thu đạt 80% giá trị hợp đồng. - Phương thức thanh toán tạm ứng: chuyển khoản - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 20 ngày kể từ khi nhà thầu đệ trình đủ

	các hồ sơ chứng từ.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1. Nguyên tắc thanh toán: Thanh toán theo đợt trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện nhà thầu; - Số đợt thanh toán: + Thanh toán theo đợt nghiệm thu: Sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ khối lượng theo hợp đồng đối với ít nhất 01 hạng mục tổng quát trong bảng giá hợp đồng trở lên. Nhà thầu có thể đề nghị thanh toán đợt 1 cho các hạng mục tổng quát hoàn thành này. + Quyết toán A-B: Sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng, công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và nhà thầu nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán A-B được chủ đầu tư ký xác nhận. - Tỷ lệ thanh toán: Mỗi đợt thanh toán, chủ đầu tư thanh toán 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu có trừ đi giá trị thu hồi tạm ứng theo quy định, giữ lại 5% giá trị nghiệm thu chờ hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành. 2. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. 3. Thanh toán tiền bị giữ lại: Chủ đầu tư sẽ thanh toán các khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu như sau: Thanh toán giá trị 5% giữ lại để đảm bảo hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành: Chủ đầu tư sẽ thanh toán khoản tiền bị giữ lại này cho Nhà thầu sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành công trình, hai bên ký biên bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành & ký biên bản thanh lý hợp đồng. Hoặc nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành của ngân hàng, Bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện (theo mẫu được chủ đầu tư chấp thuận) do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành có giá trị bằng 5% giá trị giữ lại bảo hành và có thời hạn đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, làm mới lại hạng mục công trình trong thời gian bảo hành bên B phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày BLBH hết hiệu lực mà bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của BLBH cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho bên A trước thời điểm hết hiệu lực của BLBH tối thiểu 10 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 10 ngày trước ngày BLBH hết hiệu lực mà Bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu

	BLBH. 4. Đồng tiền và phương thức thanh toán a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ). b) Phương thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. 5. Hồ sơ thanh toán Hồ sơ thanh toán gồm: - Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện nhà thầu theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp (06 bộ); - Bảng giá trị đề nghị thanh toán (Phiếu thanh toán) theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp, trong đó nêu rõ giá trị nghiệm thu, giá trị giữ lại, giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị thanh toán trong đợt thanh toán theo mẫu do chủ đầu tư cung cấp, có xác nhận của đại diện chủ đầu tư và đại diện nhà thầu (06 bộ). - Công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu (01 bản) thể hiện các nội dung: giá trị nghiệm thu, giá trị giữ lại, giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị thanh toán trong đợt thanh toán. - Hoá đơn giá trị gia tăng.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 05% giá trị nghiệm thu để chờ hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo E-ĐKC 44.1
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: 1. Các trường hợp được điều chỉnh: Theo quy định tại Thông tư 02/2023/TTBXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giá hợp đồng xây dựng; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng & Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

2. Nguyên tắc điều chỉnh:

- Việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Chỉ điều chỉnh giá hợp đồng đối với những khối lượng công việc bổ sung hợp lý, những khối lượng thay đổi giảm so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký và các trường hợp bất khả kháng, cụ thể như sau:

+ Khối lượng công việc bổ sung hợp lý hoặc những khối lượng thay đổi giảm: Là những khối lượng công việc nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng; hoặc công việc không phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng.

+ Các trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, bất khả kháng khác mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được Người quyết định đầu tư chấp thuận.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh:

3.1. Đơn giá áp dụng điều chỉnh:

- Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế làm bổ sung khối lượng công việc ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế), Nhà thầu phải thực hiện thi công ngay khi có chỉ dẫn của Tư vấn giám sát/chủ đầu tư, đơn giá bổ sung được xác định như sau:

+ Đối với khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng: Đơn giá được lập mới theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021) và quy định chiết giảm của EVNGENCO2 theo từng thời kỳ.

+ Đối với khối lượng phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng lấy đơn giá hợp đồng làm đơn giá cho khối lượng phát sinh.

+ Đối với khối lượng giảm không thực hiện so với hợp đồng đã ký lấy đơn giá hợp đồng làm đơn giá cho khối lượng phát sinh giảm.

3.2. Trình tự, thủ tục thực hiện điều chỉnh giá hợp đồng.

+ Nhà thầu hoặc đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có) lập dự toán với khối lượng phát sinh như nêu tại mục 2 trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt. Dự toán bổ sung, phát sinh phải phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình Bộ Xây dựng (Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 và các quy định có liên quan nếu

	có), các thỏa thuận trong hợp đồng và hướng dẫn, quy định của Tổng công ty Phát điện 2. + Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán bổ sung, phát sinh để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. + Các bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng làm cơ sở Điều chỉnh giá hợp đồng. 4. Sửa đổi hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 năm 2023, Điều 106 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định có liên quan đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 1. Phạt chậm tiến độ: Hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng: dự kiến 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Cứ 01 ngày chậm tiến độ phạt 0,2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. 2. Phạt huy động nhân sự chủ chốt: - Ngày bắt đầu tính phạt là ngày bàn giao mặt bằng. Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Trường hợp Nhà thầu có hành vi vi phạm gây thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có), thì Nhà thầu phải bồi thường như sau: + Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 do hành vi vi phạm của nhà thầu gây ra. + Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư đối với những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng của nhà thầu gây ra cho chủ đầu tư, bao gồm giá trị tổn thất mà chủ đầu tư phải chịu do nhà thầu gây ra và lợi ích mà chủ đầu tư đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Ngày sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư trước khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 56.803.248 đồng (tạm tính 5% giá gói thầu)
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.